

 - B GD-ỐT v a công b ̄ d th o [chƣSng trnh giáo d ̄ c ph ̄ thông m i](#) d ̄ ki n áp d ̄ ng t nƣm h c 2018-2019; ố đ c xây d ̄ ng theo ố nh h đ ̄ ng phát tri n ph m ch t và nƣng l c, ố nh h đ ̄ ng l a ch n ngh nghi p phù h p cho h c sinh.

6 ph m ch t ch y u, 10 nƣng l c c t l ̄i

Theo đ ̄, ch ̄ ̄ ng trnh giáo d ̄ c ph ̄ thông bao g ̄ m **ch ̄ ̄ ng trnh t ̄ ng th ̄** (khung ch ̄ ̄ ng trnh), **các ch ̄ ̄ ng trnh môn h ̄ c và ho ̄ t đ ̄ ng giáo d ̄ c**

Theo đ ̄ th ̄ o, n ̄ i dung chính c ̄ a ch ̄ ̄ ng trnh t ̄ ng th ̄ nêu lên **6 ph m ch t ch y u** c ̄ n hình thành, phát tri n ̄ h c sinh là: yêu đ ̄ t n ̄ c, yêu con ng ̄ i, chăm h ̄ c, chăm làm, trung th ̄ c, trách nhi ̄ m.



GS Nguyễn Minh Thuyết - T ̄ ng ch ̄ biên ch ̄ ̄ ng trnh giáo d ̄ c ph ̄ thông trong bu ̄ i công b ̄ d ̄ th ̄

V ̄ năng l ̄ c, đ ̄ th ̄ o h ̄ ̄ ng đ ̄ n **10 năng l ̄ c c t l ̄i** (nh ̄ ng năng l ̄ c mà ai cũng c ̄ n có đ ̄ s ̄ ng và làm vi ̄ c trong xã h ̄ i hi ̄ n đ ̄ i) g ̄ m:

Nh ̄ ng năng l ̄ c chung đ ̄ ̄ c t ̄ t c ̄ các môn h ̄ c và ho ̄ t đ ̄ ng giáo d ̄ c góp ph ̄ n hình thành, phát tri n: năng l ̄ c t ̄ ch ̄ và t ̄ h ̄ c, năng l ̄ c giao ti ̄ p và h ̄ p tác, năng l ̄ c gi ̄ i quy ̄ t v ̄ n đ ̄ và sáng t ̄ o.

Những năng lực chuyên môn được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học, hoạt động giáo dục như: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mĩ, năng lực thể chất.

Bậc THPT sẽ như thế nào

Chương trình mới hiện nay tiếp tục hiện giáo dục toàn diện, tích hợp các cấp tiểu học và THCS, tiếp tục hiện giáo dục phân hóa và tiếp tục các cấp THPT.

Điểm thay đổi rõ rệt so với tổ chức nay, giáo dục phổ thông 12 năm sẽ chia làm hai giai đoạn là **giáo dục cơ bản**

(gồm cấp tiểu học 5 năm và cấp THCS 4 năm) và giai đoạn

giáo dục định hướng nghề nghiệp

(cấp THPT 3 năm).

Giáo dục cơ bản bao gồm trang bị cho học sinh trí thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau THCS. 2 cấp học này sẽ tiếp tục hiện lồng ghép nội dung liên quan của một số lĩnh vực giáo dục, một số môn học trong chương trình hiện hành để tạo thành môn học tích hợp; qua đó tinh gọn, tránh chồng chéo nội dung giáo dục, giảm học lý số môn học.

Giáo dục định hướng nghề nghiệp bao gồm học sinh tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Cấp THPT yêu cầu học sinh học một số môn học bắt buộc, tiếp tục hiện tiếp tục các môn học và chuyên đề học tập theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Nội dung môn học mới

Hệ thống các môn học của chương trình giáo dục phổ thông được chia thành các môn học bắt buộc, môn học bắt buộc có phân hóa, môn học tiếp tục hiện và môn học tiếp tục hiện bắt buộc.

Môn h̄ c b̄ t bū c là môn h̄ c mà m̄ i h̄ c sinh đ̄ u ph̄ i h̄ c.

Môn h̄ c b̄ t bū c có phân hóa là môn h̄ c mà n̄ i dung đ̄ ̄ c thī t k̄ thành các ch̄ đ̄ hō c h̄ c ph̄ n (môđun), trong đó m̄ t s̄ ch̄ đ̄ hō c h̄ c ph̄ n là b̄ t bū c đ̄ i v̄ i t̄ t c̄ h̄ c sinh, m̄ t s̄ ch̄ đ̄ hō c h̄ c ph̄ n đ̄ ̄ c t̄ ch̄ n tùy theo nguȳ n v̄ ng c̄ a h̄ c sinh và đ̄ i u kī n đáp ̄ ng c̄ a c̄ s̄ giáo d̄ c.

Môn h̄ c t̄ ch̄ n là môn h̄ c không b̄ t bū c, đ̄ ̄ c h̄ c sinh t̄ nguȳ n l̄ a ch̄ n, phù h̄ p v̄ i nguȳ n v̄ ng, s̄ tr̄ ̄ ng và đ̄ nh h̄ ̄ ng ngh̄ nghī p c̄ a h̄ c sinh.

Môn h̄ c t̄ ch̄ n b̄ t bū c: là môn h̄ c mà h̄ c sinh b̄ t bū c ph̄ i l̄ a ch̄ n trong s̄ các môn h̄ c đ̄ nh h̄ ̄ ng ngh̄ nghī p ̄ l̄ p 11, l̄ p 12 theo quy đ̄ nh c̄ a ch̄ ̄ ng trnh giáo d̄ c ph̄ thông.

C̄ th̄, ̄ c̄ p **Tī u h̄ c**, các môn h̄ c b̄ t bū c ḡ m: Tī ng Vī t, Toán, Ngō i nḡ 1, Giáo d̄ c l̄ i s̄ ng, Cū c s̄ ng quanh ta, Tìm hī u xã h̄ i, Tìm hī u t̄ nhiên, Tìm hī u công ngh̄. Các môn h̄ c b̄ t bū c có phân hóa: Th̄ gī i công ngh̄, Tìm hī u tin h̄ c, Giáo d̄ c th̄ ch̄ t, Ngh̄ thū t, Hō t đ̄ ng tr̄ i nghī m sáng t̄ o. Môn h̄ c t̄ ch̄ n là tī ng dân t̄ c thī u s̄.

Ngoài ra, ̄ c̄ p tī u h̄ c còn có hō t đ̄ ng T̄ h̄ c có h̄ ̄ ng đ̄ n (t̄ h̄ c trên l̄ p c̄ a h̄ c sinh tī u h̄ c h̄ c 2 bū i/ngày, có s̄ h̄ ̄ ng đ̄ n, giúp đ̄ c̄ a giáo viên).

̄ c̄ p **THCS**, các môn h̄ c b̄ t bū c: Nḡ văn, Toán, Ngō i nḡ 1, Giáo d̄ c công dân, Khoa h̄ c t̄ nhiên, L̄ ch s̄ và Đ̄ a lý. Các môn h̄ c b̄ t bū c có phân hóa: Tin h̄ c, Công ngh̄ và H̄ ̄ ng nghī p, Giáo d̄ c th̄ ch̄ t, Ngh̄ thū t, Hō t đ̄ ng tr̄ i nghī m sáng t̄ o. Môn h̄ c t̄ ch̄ n: Tī ng dân t̄ c thī u s̄, Ngō i nḡ 2.

̄ c̄ p **THPT**, đ̄ th̄ o ch̄ ̄ ng trnh m̄ i xác đ̄ nh l̄ p 10 là l̄ p đ̄ h̄ ̄ ng ngh̄ nghī p. Ḡ m các môn h̄ c b̄ t bū c: Nḡ văn, Toán, Ngō i nḡ 1, Giáo d̄ c kinh t̄ và pháp lū t, L̄ ch s̄, Đ̄ a lý, V̄ t lý, Hóa h̄ c, Sinh h̄ c, Thī t k̄ và Công ngh̄, Giáo d̄ c qū c phòng và an ninh.

C ƣc m ƣn h ƣ c b ƣ t bu ƣ c c ƣ ph ƣn h ƣa: Tin h ƣ c, Gi ƣo d ƣ c th ƣ ch ƣ t, Ho ƣ t đ ƣ ng ngh ƣ thu ƣ t, Ho ƣ t đ ƣ ng tr ƣ i nghi ƣ m s ƣng t ƣ o. C ƣc m ƣn h ƣ c t ƣ ch ƣ n: Ti ƣ ng d ƣn t ƣ c thi ƣ u s ƣ, Ngo ƣ i ng ƣ 2.

ƣ ƣ p 11 v ƣ ƣ p 12, c ƣc m ƣn h ƣ c b ƣ t bu ƣ c g ƣ m: Ng ƣ v ƣn, To ƣn, Ngo ƣ i ng ƣ 1, Gi ƣo d ƣ c th ƣ ch ƣ t, Gi ƣo d ƣ c qu ƣ c ph ƣng v ƣ an ninh, Ho ƣ t đ ƣ ng tr ƣ i nghi ƣ m s ƣng t ƣ o.

C ƣc m ƣn h ƣ c t ƣ ch ƣ n b ƣ t bu ƣ c: H ƣ c sinh ch ƣ n 3 m ƣn v ƣ 1 chuy ƣn đ ƣ h ƣ c t ƣ p trong s ƣ c ƣc m ƣn Gi ƣo d ƣ c kinh t ƣ v ƣ ph ƣp lu ƣ t, L ƣ ch s ƣ, Đ ƣ a lý, V ƣ t lý, H ƣa h ƣ c, Sinh h ƣ c, Khoa h ƣ c m ƣy t ƣnh, Tin h ƣ c ƣ ng d ƣ ng, Thi ƣ t k ƣ v ƣ C ƣng ngh ƣ, M ƣ thu ƣ t, Ƣm nh ƣ c, Chuy ƣn đ ƣ h ƣ c t ƣ p.

C ƣc m ƣn h ƣ c t ƣ ch ƣ n: Ti ƣ ng d ƣn t ƣ c thi ƣ u s ƣ, Ngo ƣ i ng ƣ 2.

V ƣ n ƣ i dung gi ƣo d ƣ c c ƣ a đ ƣ a ph ƣ ng, theo quy đ ƣ nh c ƣ a ch ƣ ng tr ƣnh, c ƣc t ƣ nh, th ƣnh ph ƣ tr ƣ c thu ƣ c trung ƣ ng t ƣ ch ƣ c x ƣy đ ƣ ng, th ƣ m đ ƣ nh n ƣ i dung gi ƣo d ƣ c v ƣn h ƣa, ƣ ch s ƣ, đ ƣ a lý, kinh t ƣ, m ƣi tr ƣ ng, h ƣ ng ngh ƣ p,... c ƣ a đ ƣ a ph ƣ ng v ƣ b ƣo c ƣo B ƣ GD-ĐT ph ƣ duy ƣ t. Đ ƣ i v ƣ ƣ ƣ p 11 v ƣ ƣ p 12, n ƣ i dung gi ƣo d ƣ c đ ƣ a ph ƣ ng c ƣ th ƣ đ ƣ c x ƣy đ ƣ ng th ƣnh chuy ƣn đ ƣ h ƣ c t ƣ p cho h ƣ c sinh t ƣ ch ƣ n.



C ƣc ph ƣng vi ƣn t ƣ i bu ƣ i gi ƣ i thi ƣ u đ ƣ th ƣ o ch ƣ ng tr ƣnh gi ƣo d ƣ c ph ƣ thông. ƣ nh: Thanh H ƣng

Theo ch ƣ ng tr ƣnh m ƣ i, c ƣc m ƣn h ƣ c v ƣ ho ƣ t đ ƣ ng gi ƣo d ƣ c trong nh ƣ tr ƣ ng ƣp đ ƣ ng c ƣc ph ƣ ng ph ƣp t ƣch c ƣ c h ƣa ho ƣ t đ ƣ ng c ƣ a ng ƣ i h ƣ c. Gi ƣo vi ƣn đ ƣng vai tr ƣ t ƣ ch ƣ c, h ƣ ng đ ƣ n ho ƣ t đ ƣ ng, t ƣ o m ƣi tr ƣ ng h ƣ c t ƣ p th ƣn thi ƣ n v ƣ nh ƣ ng t ƣnh hu ƣ ng c ƣ v ƣ n đ ƣ đ ƣ khuy ƣ n kh ƣch h ƣ c sinh t ƣch c ƣ c tham gia, t ƣ ph ƣt hi ƣ n n ƣng ƣ c, r ƣn luy ƣ n th ƣi quen v ƣ kh ƣ n ƣng t ƣ h ƣ c, ph ƣt huy ti ƣ m n ƣng.

Các hoạt động học tập của học sinh sẽ bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành (ứng dụng những hiểu biết đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thể có trong đời sống), đồng thời học sinh với sự hỗ trợ của đồ dùng học tập và công cụ khác, đặc biệt là công cụ tin học và các hình thức tổ chức hóa cụ thể của kỹ thuật số.

Các hoạt động này được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức: học lý thuyết; thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham gia thảo luận, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tùy theo mức độ cần thiết và mức độ phức tạp của hoạt động, học sinh được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp.

Ổn định và đánh giá học sinh

Để thực hiện chương trình trên đã nêu ra ba hình thức đánh giá học sinh.

Đặc biệt trong thực hiện chương trình có điểm mới là việc xét kết quả thi THPT sẽ giao cho cấp trường.

Đặc biệt cấp bộ ngành tổ chức thi THPT, học sinh không phải trải qua kỳ thi THPT quốc gia hiện nay mà việc xét kết quả thi THPT sẽ phụ thuộc vào việc đánh giá điểm kết quả do chính trường THPT tổ chức thực hiện.

Học sinh hoàn thành các môn học, tích lũy đủ kết quả đánh giá theo quy định của Bộ GD-ĐT được cấp bộ ngành tổ chức thi THPT.

Đánh giá thực nghiệm xuyên, do giáo viên phụ trách môn học tổ chức thực hiện, dựa trên kết quả đánh giá của giáo viên, của phụ huynh học sinh, của bản thân học sinh được đánh giá và của các học sinh khác trong trường, trong lớp.

Đánh giá đầu nh **k**, do cấp sở giáo dục tổ chức thực hiện. Học sinh hoàn thành các môn học, tích lũy đủ kết quả đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp THPT.

Đánh giá trên diện rộng cấp quốc gia, cấp địa phương, do tổ chức kiểm định chất lượng cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lý các hoạt động dạy học, phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.



Chương trình [giáo dục phổ thông](#) sẽ được phát triển theo xuyên, bao gồm các khâu xây dựng chương trình, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chương trình trong quá trình thực hiện.

Dựa trên nội dung và yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông, các trường xây dựng kế hoạch giáo dục riêng mặt cách linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của trường địa phương.

Trong khi công bố đề thi vào chương trình tiếp theo lên mạng Internet để lấy ý kiến các tầng lớp nhân dân mặt tiến bộ, Bộ GD-ĐT đã tổ chức các hội thảo, tiếp thu ý kiến từ nhiều cơ quan, nhiều nhà khoa học, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và chuyên gia từ vùng quốc tế. Chương trình cũng đã được Hội đồng Quốc gia Thẩm định chương trình giáo dục phổ thông thẩm định nhận xét.

Bộ GD-ĐT sẽ tổ chức khảo sát thực tế, tham khảo ý kiến các cơ quan quản lý giáo dục, các trường, cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, phụ huynh và nhà nghiên cứu quan tâm hàng năm để

đánh giá và đi u ch ̄ nh n ̄ u c ̄ n thi ̄ t.

“

PhƣSng pháp xây d ̄ ng chƣSng trnh

1. Ƣp d ̄ ng phƣSng pháp SS ố ngĐ c

V ̄ i đ ̄ nh h ̄ ̄ ng ti ̄ p c ̄ n năng l ̄ c thì vi ̄ c xây d ̄ ng ch ̄ ̄ ng trnh ph ̄ i xu ̄ t phát t ̄ phân tích b ̄ i c ̄ nh t

2. Ƣp d ̄ ng phƣSng pháp Ƣánh giá tác ố ng c a chính sách

Quy trnh này có 5 b ̄ ̄ c: đánh giá vi ̄ c th ̄ c thi chính sách hi ̄ n hành; đ ̄ xu ̄ t chính sách m ̄ i; đánh giá

Vi ̄ c đánh giá tác đ ̄ ng đi ̄ n ra su ̄ t trong quá trnh xây d ̄ ng ch ̄ ̄ ng trnh, s ̄ b ̄ o đ ̄ m tính kh ̄ thi c ̄ a

- Thanh Hùng - Lê V ̄ n

DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2018-2019)



MỤC TIÊU

- ✓ GIÚP HỌC SINH PHÁT TRIỂN HÀI HÒA VỀ THỂ CHẤT VÀ TINH THẦN.
- ✓ TRỞ THÀNH NGƯỜI HỌC TÍCH CỰC, TỰ TIN, CÓ Ý THỨC LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP VÀ HỌC TẬP SUỐT ĐỜI.
- ✓ CÓ PHẨM CHẤT TỐT ĐẸP VÀ NĂNG LỰC CẦN THIẾT ĐỂ TRỞ THÀNH CÔNG DÂN CÓ TRÁCH NHIỆM, NGƯỜI LAO ĐỘNG CÓ VĂN HÓA CẦN CÙ, SÁNG TẠO.

CÁC PHẨM CHẤT CHỦ YẾU

- ✓ YÊU ĐẤT NƯỚC
- ✓ CHĂM HỌC
- ✓ TRUNG THỰC
- ✓ YÊU CON NGƯỜI
- ✓ CHĂM LÀM
- ✓ TRÁCH NHIỆM

CÁC NĂNG LỰC

NĂNG LỰC CỐT LÕI

NĂNG LỰC CHUNG

1. TỰ CHỦ VÀ TỰ HỌC
2. GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC
3. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ SÁNG TẠO

NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN

1. NGÔN NGỮ
2. TÍNH TOÁN
3. TÌM HIỂU TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI
4. CÔNG NGHỆ

5. TIN HỌC
6. THẨM MỸ
7. THỂ CHẤT

NĂNG LỰC CHUYÊN BIỆT
(NĂNG KHIẾU)

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

TIỂU HỌC (lớp 1 đến lớp 5)

Mỗi năm có 35 tuần thực học, học 2 buổi/ngày. Tổng số tiết cho chương trình quốc gia là 4.515 tiết, thời lượng tối thiểu cho chương trình địa phương là 1.015 tiết.

LỚP 1	LỚP 2	LỚP 3	LỚP 4	LỚP 5
TIẾNG VIỆT				
420 tiết	350 tiết	280 tiết	245 tiết	245 tiết
NGOẠI NGỮ 1				
		140 tiết	140 tiết	140 tiết
TOÁN HỌC				
105 tiết	175 tiết	175 tiết	175 tiết	210 tiết
GIÁO DỤC LỐI SỐNG				
70 tiết	70 tiết	70 tiết	35 tiết	35 tiết
CUỘC SỐNG QUANH TA			TÌM HIỂU XÃ HỘI	
			70 tiết	70 tiết
			TÌM HIỂU TỰ NHIÊN	
70 tiết	70 tiết	70 tiết	70 tiết	70 tiết
THẾ GIỚI CÔNG NGHỆ			TÌM HIỂU TIN HỌC	
			35 tiết	35 tiết
			TÌM HIỂU CÔNG NGHỆ	
35 tiết	35 tiết	35 tiết	35 tiết	35 tiết
GIÁO DỤC THỂ CHẤT				
70 tiết	70 tiết	70 tiết	70 tiết	70 tiết
NGHỆ THUẬT				
70 tiết	70 tiết	70 tiết	70 tiết	70 tiết
HOẠT ĐỘNG TRẠI NGHIỆM SÁNG TẠO				
105 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết
TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN				
110 tiết	110 tiết	70 tiết	70 tiết	70 tiết

D ƣ th ƣ o k ƣ ho ƣ ch gi ƣo d ƣ c theo ch ƣ ƣ ng tr ƣnh gi ƣo d ƣ c ph ƣ thông m ƣ i. Đ ƣ h ƣ a: L ƣ V ƣn (B ƣ m v ƣo h ƣn